

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2018/HC-PT

Ngày: 29/03/2018.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính về thu
hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu
hồi đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Hồng Phụng.

2/ Ông Vũ Bảo Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 109/2016/TLPT-HC ngày 11/10/2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1113/2018/QĐ-PT ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 395 ấp A, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: 395 ấp A, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 546 quyền số I/TP/CC-SCT ngày 13/8/2012).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Phạm Đức A – Văn phòng Luật sư L. (Có mặt)

Địa chỉ: 95 Phùng Văn C, Phường 2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Đường L, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa diện theo ủy quyền:

Ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. (Có yêu cầu vắng mặt)
(Giấy ủy quyền số 4664/GUQ-UBND ngày 26/10/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Phạm Minh C – Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958. (Có mặt)

2/ Ông Nguyễn Tây N, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 395 ấp A, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 28/5/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2242/QĐ-UB (gọi tắt là Quyết định 2242) về việc duyệt Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R huyện C.

Ngày 17/6/2004, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 về việc giao đất cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C để đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R – C thuộc xã L, xã A và xã K huyện C.

Ngày 11/6/2004, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R huyện C ban hành Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái bố trí định cư thuộc dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R huyện C số 414/PABT và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004.

Ngày 17/11/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5702/QĐ-UB về điều chỉnh thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C theo Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002.

Ngày 28/12/2005, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6569/QĐ-UBND về điều chỉnh dự toán phương án bồi thường bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án R.

** Người khởi kiện bà Đoàn Thị N trình bày:*

Ngày 10/4/2007, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND thu hồi 868 m² đất của hộ gia đình bà N trong Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R huyện C.

Ngày 18/01/2007, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà N với tổng số tiền bồi thường thiệt hại là 508.627.000 (năm trăm lẻ tám triệu, sáu trăm hai mươi bảy ngàn) đồng.

Không đồng ý với nội dung của 02 quyết định trên của Ủy ban nhân dân huyện C, bà N đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 12/6/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 792/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Đoàn Thị N, nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của bà N và giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007. Sau đó, bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6020/QĐ-UBND về giải quyết đơn của bà Đoàn Thị N, nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà N căn cứ theo Phương án bồi thường số 414/PABT ngày 11/6/2004. Phương án này áp dụng đơn giá theo Quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình bà N là không thấu tình đạt lý. Bởi lẽ với đơn giá bồi thường được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành vào năm 1995 áp dụng bồi thường thiệt hại cho hộ gia đình bà N vào năm 2007, hộ gia đình bà N không thể mua lại khu đất tương tự vào thời điểm được bồi thường.

Căn cứ Điều 15 của Quyết định số 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định tạm thời về trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì Phương án bồi thường số 414/PABT ngày 11/6/2004 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C đã hết hiệu lực áp dụng. Hơn nữa, việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ gia đình bà N trước khi ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ gia đình bà N là trái với quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ Quyết định số 5702/QĐ-UBND ngày 17/11/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C để thu hồi đất theo lộ giới đoạn từ ngã tư N đến cầu A là 120m, thu hồi đều mỗi bên là 60m tính từ tim đường (đất bị thu hồi của hộ gia đình bà N nằm trong đoạn từ ngã tư N đến cầu A) là trái với Khoản 1, Đoạn 1 của Thông báo số 41/TB-UB ngày 13/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C về thông báo giải tỏa thực hiện dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C. Theo Khoản 1 Đoạn 1 của Thông báo số 41/TB-UB

ngày 13/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C thì phạm vi giải tỏa đoạn này là 42m, từ tim đường nhựa hiện hữu qua mỗi bên 21m.

Bà N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà N những vấn đề sau đây nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N:

1. Tuyên hủy Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 và Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C.

2. Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C khi ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trước khi ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về thu hồi đất đối với hộ gia đình bà N là hành vi trái pháp luật.

3. Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C tại đoạn từ ngã tư Nhon Trạch đến cầu An Nghĩa lộ giới 120m, mỗi bên đều 60m tính từ tim đường là hành vi trái pháp luật.

4. Tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường thiệt hại, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà N theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Căn cứ vào Quyết định số 414 về phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2004, Nghị định 22 và Quyết định số 31 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đều không có quy định cụ thể trình tự giữa việc ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường quyết định nào trước, quyết định nào sau. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Quyết định duyệt dự án đầu tư đường R, Quyết định 1908/QĐ-UBND ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi đất phê duyệt kinh phí bồi thường là đúng quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành hai Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 và Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 đối với hộ gia đình bà N là đúng quy định.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Tây N và bà Nguyễn Thị Cẩm G có ý kiến đồng ý cho bà N đại diện hộ gia đình tham gia phiên tòa, mọi ý kiến quyết định như ý kiến bà N.

* Tại Bản án số 09/2016/HCST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về việc: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 và Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007; Yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C khi ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trước khi ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về thu hồi đất đối với hộ gia đình bà N là hành vi trái pháp luật; Yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C tại đoạn từ ngã tư Nhon Trạch đến cầu An Nghĩa lộ giới 120m, mỗi bên đều 60m tính từ tim đường là

hành vi trái pháp luật; Yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường thiệt hại, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà N theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04 tháng 5 năm 2016, bà Đoàn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà Đoàn Thị N có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn B xác định yêu cầu kháng cáo:

Thửa đất của hộ bà Đoàn Thị N nằm ở đoạn từ ngã tư Nhơn Trạch đến cầu An Nghĩa. Theo Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 và Khoản 1 Đoạn 1 Thông báo số 41/TB-UB ngày 13/03/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C thì phạm vi giải tỏa đoạn này là 42m từ tim đường nhựa hiện hữu qua mỗi bên 21m, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để ban hành quyết định thu hồi theo ranh lộ giới 120m là trái qui định của pháp luật. Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 đã hết hiệu lực từ ngày 24/6/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 mà không phê duyệt phương án mới là trái với Điều 15 Quyết định 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân huyện C áp giá theo Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 để ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 và Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 là xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của hộ bà Đoàn Thị N. Theo quy định khi thực hiện dự án phải có quyết định thu hồi đất mới duyệt kinh phí bồi thường nhưng Ủy ban nhân dân huyện C lại ban hành quyết định duyệt kinh phí bồi thường trước khi ban hành quyết định thu hồi là hành vi trái pháp luật.

Do đó, bà Đoàn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy các quyết định:

1/ Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 và Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C;

2/ Yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C khi ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trước khi ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về thu hồi đất đối với hộ gia đình bà N là hành vi trái pháp luật;

3/ Yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C tại đoạn từ ngã tư N đến cầu A lộ giới 120m, mỗi bên đều 60m tính từ tim đường là hành vi trái pháp luật;

4/ Yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường thiệt hại, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà N theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Đoàn Thị N – ông Phan Đức A trình bày: Kháng cáo của bà Đoàn Thị N là có cơ sở, đề nghị Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Đoàn Thị N.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có đại diện theo ủy quyền ông Trương Tiến T có yêu cầu vắng mặt và có ý kiến tại Văn bản số 4965/UBND ngày 15/11/2016 và ý kiến bổ sung tại Văn bản số 5727/UBND ngày 28/12/2016.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Phạm Minh C trình bày: Có cùng ý kiến với người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C tại Văn bản số 4965/UBND ngày 15/11/2016 và ý kiến bổ sung tại Văn bản số 5727/UBND ngày 28/12/2016. Người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định bị khiếu kiện, đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đoàn Thị N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày: Có cùng ý kiến với người khởi kiện bà Đoàn Thị N, ngoài ra không có ý kiến nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tây N và bà Nguyễn Thị Cẩm G vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử như thông báo thụ lý, triệu tập đương sự, thu thập chứng cứ, tổng đạt thông báo cho người bị kiện,...

- Về kháng cáo của bà Đoàn Thị N:

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C, Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 về điều chỉnh, thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C thì phạm vi giải tỏa của dự án được thực hiện 01 lần theo đúng lộ giới quy hoạch đã công bố: Từ Phà K đến Ngã tư N tăng dần từ 30m đến 36m đều hai bên tuyến từ Ngã tư N đến Cầu A 120m. Theo Bản bản đồ đặc, kiểm kê tài sản đất đai bị ảnh hưởng thì hộ bà Đoàn Thị N nằm trong đoạn từ ngã tư N đến cầu A, thuộc lý trình Km 3 + 600 đến Km 3 + 850 có phạm vi giải tỏa theo lộ giới 120m, mỗi bên 60m tính từ tim đường. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về thu hồi 868 m² đất nhằm thửa 607-2-1 (gồm thửa phân chiết 607-2-1-1), thửa 607-3-1, 315-1 và thửa 315-2 (gồm thửa phân chiết 315-2-1), thuộc tờ 14, tọa lạc tại xã K của hộ bà Đoàn Thị N là có căn cứ.

Mặt khác, ngày 18/01/2003 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND về đính chính Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 với nội dung sửa lại là “căn cứ Thông báo số 116/TB-UBND ngày 06/11/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C về phạm vi giải tỏa – phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư của công trình cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R thuộc huyện C”.

Từ những nhận định trên, nhận thấy việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành

Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 và Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 là có căn cứ.

Như vậy, việc bà Đoàn Thị N khởi kiện yêu cầu: Tòa án tuyên hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C; yêu cầu Tòa án xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C khi ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về thu hồi đất của hộ gia đình bà Đoàn Thị N là trái pháp luật; yêu cầu Tòa án xác định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R, huyện C tại đoạn từ ngã tư N đến cầu A lộ giới 120m, mỗi bên 60m tính từ tim đường là hành vi hành chính trái pháp luật và yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường thiệt hại, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà N theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành là không có căn cứ chấp nhận.

Về hiệu lực của Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 về bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Công văn số 7083/UBND-NCPC ngày 11/11/2017 trả lời nội dung Công văn số 3959/TATP-THC ngày 08/12/2016; Công văn số 167/TATP-THC ngày 23/01/2017 và Công văn số 2621/TATP-THC ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Theo nội dung của văn bản này thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Ngày 24/6/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2959/QĐ-UB về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C (Phương án số 414/PABT do Hội đồng bồi thường của dự án lập ngày 11/6/2004). Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được xây dựng dựa trên cơ sở Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Quyết định số 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 ban hành Quy định tạm thời về trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Khoản 1 Điều 15 Quyết định số 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 quy định hiệu lực của phương án bồi thường, hỗ trợ, thiệt hại và tái định cư như sau: *“Thời hạn áp dụng phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của các dự án không quá 12 tháng kể từ ngày phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trừ các dự án có tính chất đặc Biệt, quy mô lớn thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố)”*.

Tuy nhiên, căn cứ vào Khoản 2 Điều 50 Nghị định 197/2004/NĐ-CP (có hiệu lực ngày 23/12/2004, sau ngày Phương án số 414/PABT được phê duyệt) quy định: *“Đối với những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;*

những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định này”.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư của Dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 vẫn còn hiệu lực áp dụng.

Đối với trường hợp của bà Đoàn Thị N thì Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ trước ngày Nghị định số 84/2007/NĐ-CP có hiệu lực thì hành nên không tính hỗ trợ lãi suất.

Như vậy, việc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C áp dụng giá để tính bồi thường cho hộ bà Đoàn Thị N theo Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng số 414 ngày 11/6/2004 là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/02/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị tạm dừng phiên tòa để về báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện C xem xét yêu cầu xin tái định cư của bà N. Ngày 05/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện C cùng các ban, ngành có liên quan có Biên bản tiếp xúc với bà N và thống nhất không chấp nhận bố trí tái định cư cho bà N vì ngay từ đầu bà không có nhu cầu đã nhận tiền không bố trí tái định cư.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà N là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị N làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Ủy ban nhân dân huyện C có đại diện theo ủy quyền ông Trương Tiến T có yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tây N, bà Nguyễn Thị Cẩm G được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] Bà Đoàn Thị N nhận được Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 vào ngày 17/4/2007; nhận Quyết định 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 vào ngày 17/4/2007, không đồng ý bà N có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 12/6/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 792/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của bà N và giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007. Bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày

10/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 6020/QĐ-UBND về giải quyết đơn của bà Đoàn Thị N, nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Không đồng ý với các quyết định trên, ngày 15/6/2012 bà Đoàn Thị N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C. Căn cứ quy định của pháp luật, đơn khởi kiện của bà N còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Người khởi kiện bà Đoàn Thị N có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn B cho rằng: Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C; căn cứ Thông báo số 41/TB-UB ngày 13/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C về thông báo giải tỏa thực hiện dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C; căn cứ Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 và Điều 15 Quyết định 31/2003/QĐ-UB ngày 10/03/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định tạm thời về trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất bà N bị thu hồi chỉ khoảng hơn 400 m² và Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 đã hết hiệu lực áp dụng. Đồng thời bà N cho rằng: Thửa đất của bà N nằm ở đoạn từ ngã tư N đến cầu A, theo Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Khoản 1 Đoạn 1 Thông báo số 41/TB-UB ngày 13/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C thì phạm vi giải tỏa đoạn này là 42m từ tim đường nhựa hiện hữu qua mỗi bên là 21m, nhưng Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 về điều chỉnh, thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C để ban hành quyết định thu hồi theo ranh lộ giới 120m là trái quy định của pháp luật. Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 đã hết hiệu lực từ ngày 24/6/2005, tuy nhiên Ủy ban nhân dân Thành phố H lại ban hành Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 mà không phê duyệt phương án mới là trái với Điều 15 Quyết định 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Và Ủy ban nhân dân huyện C áp giá theo Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 đã hết hiệu lực để ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 và Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Đoàn Thị N. Theo quy định của pháp luật, khi thực hiện dự án phải có quyết định thu hồi đất mới duyệt kinh phí bồi thường nhưng Ủy ban nhân dân huyện C lại ban hành quyết định duyệt kinh phí bồi thường trước khi ban hành quyết định thu hồi là hành vi trái pháp luật.

[5] Xét, Bên bản điều tra đất đai, tài sản ảnh hưởng lập ngày 28/10/2003 (bút lục số 62) và Bên bản phúc tra số liệu kiểm kê đất đai, tài sản ảnh hưởng ngày 16/10/2004 (bút lục số 63, 64) của Tổ công tác thuộc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C; Xét Giấy xác nhận về nguồn gốc sở hữu nhà và quyền sử dụng đất để phục vụ cho công tác bồi thường ngày 06/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã K (bút lục số 41) thì tổng diện tích đất của bà N bị thu hồi trong Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C là 868 m² (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc các thửa 607-2-1 diện tích 156 m²; thửa 607-3-1 diện tích 252 m²; thửa 315-1 diện tích

210 m² và thửa 315-2 diện tích 250 m².

[6] Ủy ban nhân dân huyện C đã căn cứ vào Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao đất cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C; Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C và Quyết định số 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở Dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C để ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007; Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 để thu hồi đất và tính kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho bà N.

[7] Căn cứ tại Điểm 7 Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về điều chỉnh thay thế dự án đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C quy định “...*Đoạn 3: Từ ngã tư Nhơn Trạch (theo quy hoạch) đến cầu An Nghĩa ...quy mô giải tỏa : 120m...*”.

Quyết định này thay thế Quyết định 2242/QĐ-UB ngày 28 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt dự án đầu tư Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C...”.

[8] Căn cứ tại Khoản 1.1 Điều 1 Quyết định 2557/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định 2808/QĐ-UBND ngày 17/10/2004 như sau: “...*Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bình đồ ranh giải tỏa tỷ lệ 1/500 đối với nút giao, tỷ lệ 1/1000 đối với phần tuyến...*”.

[9] Người khởi kiện bà Đoàn Thị N có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn B cho rằng phần đất của bà bị thu hồi nằm ở đoạn từ ngã tư Nhơn Trạch đến cầu An Nghĩa, Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện thu hồi đất của bà N không đúng với Thông báo số 41/TB-UB ngày 13/3/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Tuy nhiên, Quyết định số 2242/QĐ-UB ngày 28/5/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã được thay thế bởi Quyết định số 5702/QĐ-UB ngày 17/11/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện : “*Từ ngã tư Nhơn Trạch (theo quy hoạch) đến cầu An Nghĩa ...quy mô giải tỏa : 120m...*”. Do đó, ý kiến này của người đại diện người khởi kiện là không có cơ sở để xem xét.

[10] Tại Khoản 1 Điều 15 Quyết định 31/2003/QĐ-UB ngày 10/3/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định tạm thời về trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: “*Thời hạn áp dụng phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của các dự án không quá 12 tháng kể từ ngày phương án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (trừ các dự án có tính chất đặc Biệt, quy mô lớn thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố)*”.

[11] Tại Khoản 2 Điều 50 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 quy định “...*Đối với những dự án, hạng mục đã thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ và*

tái định cư; những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường... theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Nghị định này”.

[12] Tại Công văn 3977/UB-ĐB ngày 12/7/2004 Ủy ban nhân dân Thành phố thể hiện: “... các phương án bồi thường... được Ủy ban thành phố phê duyệt và ban hành từ ngày 01/7/2004 trở về sau sẽ được xem xét điều chỉnh cho phù hợp Nghị định mới...”.

[13] Tại thời điểm Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt của dự án còn hiệu lực thì hành và được triển khai thực hiện thì Chính phủ ban hành Nghị định số 197, theo đó quy định: “*Những dự án đang thực hiện chi trả bồi thường hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị định số 197 có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo phương án đã duyệt không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định Nghị định 197*”. Như vậy, tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho bà N là sau thời điểm Nghị định số 197 có hiệu lực thì hành. Theo quy định của Nghị định số 197 thì không phải điều chỉnh chính sách bồi thường đã được phê duyệt của dự án, chỉ xem xét lại giá đất để tính bồi thường nếu có việc bồi thường chậm do lỗi của cơ quan Nhà nước. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C ban hành quyết định duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho bà N thì giá đất bồi thường theo phương án bồi thường đã được duyệt vẫn cao hơn giá đất tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố công bố tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định duyệt kinh phí bồi thường cho bà N là theo Nghị định số 197, thấp hơn đơn giá bồi thường theo Phương án đã được duyệt. Mặt khác, trong quá trình xác lập hồ sơ bồi thường cho bà N thì bà N không đồng ý với chủ trương giải tỏa theo ranh lộ giới 120m và đã tự ý thay đổi hiện trạng đất (Bên bản điều tra kiểm kê đất đai, tài sản ngày 28/10/2003 và Bên bản làm việc ngày 01/3/2007) nên cũng đã ảnh hưởng đến công tác lập hồ sơ, ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà N.

[14] Theo Quyết định 2959/QĐ-UB ngày 24/6/2004 thì Phương án số 414/PABT ngày 11/6/2004 được phê duyệt vào ngày 24/6/2004, theo các văn bản và các quyết định trên của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì Dự án đầu tư Cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C là một trong những dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo. Tính đến ngày Nghị định số 197 có hiệu lực thì Phương án số 414 đang triển khai thực hiện, từ khi ban hành Phương án số 414 đến nay chưa có quyết định nào hủy bỏ hoặc thay thế. Theo quy định việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều phải thực hiện theo quyết định duyệt dự án, thu hồi giao đất và phương án đã được phê duyệt. Đối chiếu với Bảng giá đất ở huyện C ban hành kèm theo Quyết định 277/2005/QĐ-UBND ngày 27/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 thì Ủy ban nhân dân huyện C đã lập bảng chiết tính bồi thường cho bà N là đúng.

[15] Tại Điều 1 Quyết định số 2808/QĐ-UB ngày 17/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giao đất cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C để đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R – C thuộc xã L, xã An Thới Đông và xã K huyện C thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hồi và giao đất cho Ban quản lý dự án khu vực đầu tư và xây dựng huyện C sử dụng để đầu tư cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường R. Căn cứ theo quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007; Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 để thu hồi đất và bồi thường cho bà N là có căn cứ, đúng quy định.

[16] Tại phiên tòa, người khởi kiện bà Đoàn Thị N có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn B cho rằng năm 2003 bà N có đăng ký tái định cư và tại Bên bản tiếp xúc ngày 05/9/2007 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng bà N cũng có yêu cầu xem xét tái định cư nhưng Ủy ban nhân dân huyện C không xem xét giải quyết là không thỏa đáng. Xét, Thông báo số 49/TB-UBND ngày 11/9/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C về chính sách giải quyết đất ở cho hộ dân không có đất xây dựng nhà ở thuộc Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất thực hiện các công trình của đường R thì bà N không có đơn yêu cầu xem xét tái định cư, do vậy không có cơ sở xem xét yêu cầu của bà N. Mặt khác, tại Văn bản số 530/UBND ngày 08/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C về trả lời đơn kiến nghị của bà N có nêu: “...nếu bà không còn nơi nào khác để ổn cư thì đề nghị làm đơn gửi chính quyền địa phương xác nhận tình trạng đất...để xem xét giải quyết theo quy định”. Tuy nhiên, bà N không có ý kiến phản hồi nội dung trên của Ủy ban nhân dân huyện C.

[17] Tại phiên tòa ngày 08/02/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến sẽ báo cáo lại với Ủy ban nhân dân huyện C để xem xét lại chính sách tái định cư cho hộ gia đình bà N. Theo Bên bản ngày 05/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết yêu cầu bố trí tái định cư của hộ bà N theo đó không có cơ sở xem xét nguyện vọng bố trí tái định cư đối với hộ bà N.

[18] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đoàn Thị N cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đoàn Thị N là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[19] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H cũng đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, đề nghị này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[20] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[21] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Bác kháng cáo của bà Đoàn Thị N, giữ nguyên quyết định bản án hành chính sơ thẩm số 09/2016/HC-ST ngày 27/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện C:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N về việc: Yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 và Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007; Yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C khi ban hành Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 về phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại trước khi ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 về thu hồi đất đối với hộ gia đình bà N là hành vi trái pháp luật; Yêu cầu Tòa án xác định hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, mở rộng và nâng cấp đường R, huyện C tại đoạn từ ngã tư Nhơn Trạch đến cầu An Nghĩa lộ giới 120m, mỗi bên lề 60m tính từ tim đường là hành vi trái pháp luật; Yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện lại trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường thiệt hại, hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà N theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành.

2/ Án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Đoàn Thị N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Bên lai số AC/2010/03774 ngày 27/6/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đoàn Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo Bên lai thu tiền số AC/2010/04996 ngày 07/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú